

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84A/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28/6/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Rạng; Ông Đàm Văn Kiêu.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 6 H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân S, sinh năm 1984;

ĐKKHKT: Xóm 6 H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà có mặt chị H; vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 12 tháng 3 năm 2018 cũng như lời khai tại các buổi làm việc và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: Chị H kết hôn với anh Bùi Xuân S trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì vợ chồng cùng nhau vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn

kinh tế. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Từ đầu năm 2014, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng, không liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn với anh Bùi Xuân S.

Về con chung: Chị H trình bày giữa chị và anh S có một con chung là Bùi Danh T, sinh ngày 21/9/2010, từ khi vợ chồng ly thân, cháu T do chị H và gia đình hai bên nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi cháu Bùi Danh T và không yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị H đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Bùi Xuân S nhưng anh S vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Toà án nhân dân huyện N đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Bùi Xuân S.

- Về con chung: Vợ chồng chị Tạ Thị H và anh Bùi Xuân S có một con chung là cháu Bùi Danh T, sinh ngày 21/9/2010. Đề nghị xử giao cháu Bùi Danh T, sinh ngày 21/9/2010 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Chị Tạ Thị H xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Tạ Thị H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tạ Thị H và anh Bùi Xuân S đều cư trú tại xã N, huyện N; anh S đã được Toà án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên toà. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Bùi Xuân S trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống khác nhau dẫn đến hay cãi chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Từ đầu năm 2014, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án nhân dân huyện N giải quyết ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không liên lạc gì với nhau khả năng đoàn tụ là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị H xin ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Bùi Xuân S có một con chung là Bùi Danh T, sinh ngày 21/9/2010. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu T do chị H và gia đình hai bên nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H có đề nghị trực tiếp nuôi cháu T và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Tạ Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] - Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Bùi Xuân S.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Bùi Danh T, sinh ngày 21/9/2010 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BB/2012/06259 ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương